

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 17/6/2022.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đức.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà V.L.Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Phú Hiệp, xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp V 1, xã VN, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. (Có mặt).

**\* Bị đơn:** Ông P.C.D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2021 và lời khai trong quá trình giải**

*quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà V.L.Th trình bày như sau: Bà và ông P.C.D tự tìm hiểu sau đó tiến đến kết hôn, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất của cả hai và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 11/11/2004.*

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau; hai vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện được 1, 2 câu là hai vợ chồng lại cự cãi với nhau. Trong quá trình chung sống, ông D không quan tâm, chăm sóc bà, còn kinh tế trong gia đình thì không phụ giúp. Ngoài ra, ông D không tin tưởng, nghi ngờ bà có qua lại với người đàn ông khác mặc dù bà không có. Thời gian qua, bà đã cố gắng duy trì để hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả và hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 1/2022 tới nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên P.H.L, sinh ngày 16/5/2006. Nếu được ly hôn bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*\* Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông P.C.D trình bày như sau:*

Ông và bà V.L.Th tự tìm hiểu sau đó tiến đến kết hôn, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 11/11/2004. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống do kinh tế khó khăn nên vợ chồng nhiều lúc lời qua tiếng lại với nhau, gây cự cãi chứ mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng. Hiện nay ông vẫn còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn; Về con chung: vợ chồng ông có 01 con chung tên P.H.L, sinh ngày 16/5/2006. Nếu ly hôn, con có nguyện vọng được sống với ai thì người đó chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: Bà Th được ly hôn với ông D. Về con chung: Giao 01 con chung tên P.H.L, sinh ngày 16/5/2006 cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không xem xét. Bà Th yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn và kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông P.C.D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, bà Th và ông D kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 11/11/2004 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà Th và ông D phát sinh mâu thuẫn, bà Th xin ly hôn nên Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa bà Th và ông D thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Bà Th và ông D xác định 2 vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2022 tới nay. Thời gian qua Tòa án đã tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng ông bà cũng không gặp nhau để trao đổi, bàn bạc tìm ra biện pháp hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và ông bà cũng không nhờ người thân hòa giải cho vợ chồng hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th vẫn kiên quyết ly hôn với ông D.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,

chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại và một bên đã không muốn sống chung lại nữa, mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Tòa án đã hòa giải cho ông bà đoàn tụ nhưng phía bà Th vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà Th là được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên P.H.L, sinh ngày 16/5/2006. Xét thấy, bà Th yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lâm, cháu Lâm hiện nay đang sống với bà Th và cháu Lâm cũng có nguyện vọng được sống với bà Th. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Lâm, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Lâm cho bà Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà Th không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà Th phải tạo điều kiện cho ông D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông bà thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.L.Th.

- Về hôn nhân: Bà V.L.Th được ly hôn với ông P.C.D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 11/11/2004 không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên P.H.L cho bà Th được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không có yêu cầu.

Bà Th phải tạo điều kiện cho ông D được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông bà thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông bà thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ sống chung thì ông D và bà Th vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà V.L.Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008862 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Nhuận,  
huyện Châu Thành, AG;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Mai Thị Vân**